

Bản án số: 30/2024/HS-ST  
Ngày 25/6/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Triệu Vĩnh Thái.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Duy Bình.  
2. Bà Vũ Thị Vẻ.

*Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn N**, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1979 tại TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ X, thị trấn K, huyện V, tỉnh L; Giới tính: N; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Không; Nghề nghiệp: NHÂN viên bán ga và bếp gas; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; nhân thân: Tốt; Con ông Bùi Văn T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Vũ Thị M, sinh năm 1987 và có 01 con, sinh năm 2008.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 09/01/2024 đến nay – Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ B, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Hoàng Trung Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ X1, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Mai A2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ X1, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Hoàng Trọng H1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Anh Hà A1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Th, xã Y, huyện Văn Bàn, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Chị Hoàng Thị Đ1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn L2, xã Y1, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn O, xã P, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
9. Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
11. Anh Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ X2, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
12. Chị Phan Thuỳ Tr, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố B1, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
13. Chị Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ X3, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Anh Đỗ Minh N4, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Chị Hoàng Kim T2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ B, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
16. Anh Nguyễn Ngọc M3, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ X3, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
17. Chị Lương Thị Q1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ X3, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
18. Chị Chu Thị Hà G1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
19. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
20. Chị Phan Thị T5, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
21. Anh Vũ Ngọc C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.
22. Anh Hà Hoàng N4, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ X4, thị trấn K, huyện V,

tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Chị Vương Thị T6, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ N2, thị trấn K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023, bị cáo Bùi Văn N đã sử dụng số tiền 70.000.000 đồng do lao động mà có để cho 23 người vay 54 lượt với tổng số tiền cho vay là 490.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 100,9%/năm đến 136,5%/năm. Số tiền lãi Bùi Văn N thu được là 87.680.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 70.934.796 đồng. Người vay trả tiền cho Bùi Văn N bằng hình thức chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng Agribank số 8809205186327 mang tên Bùi Văn N, hoặc N thu trực tiếp. Hình thức vay là trả cả gốc và lãi theo tháng (30 ngày) hoặc trả cả gốc và lãi theo ngày. Việc cho vay và số tiền thu lợi bất chính của Bùi Văn N, cụ thể:

**(1) Chị Hoàng Thị H** (sinh năm 1990, trú tại: B, thị trấn K, huyện V, Lào Cai) vay của N các lần:

+ Tháng 02/2023 chị H vay 20.000.000đ, thỏa thuận 10 ngày trả 01 lần cả gốc và lãi là 1.390.000đ trong vòng 08 tháng (24 lần). Bị cáo N đã thu hết gốc và lãi tổng cộng 33.360.000đ. Tiền lãi N thu của H trong 08 tháng (240 ngày) là 13.360.000đ, tương ứng lãi suất là 101,5%/năm. Số tiền N thu lợi bất chính là 10.729.863đ.

+ Từ tháng 3/2023 đến tháng 8/2023, chị H vay của Bùi Văn N 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ với thỏa thuận trả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Bị cáo N đã thu cả gốc và lãi với tổng số tiền 22.200.000đ, số tiền lãi là 2.200.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lợi bất chính là 1.794.521đ.

**(2) Anh Hoàng Trung Đ** (sinh năm 1990, trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện V, tỉnh L) vay các lần:

+ Tháng 2/2023, Đ vay của N số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 180.000đ/ngày trả trong 31 ngày. Đ đã trả hết gốc và lãi là 5.580.000đ. Tiền lãi bị cáo N thu được là 580.000đ tương ứng lãi suất 136,5%/năm. Số tiền bị cáo N thu lợi bất chính là 495,068đ.

+ Tháng 4/2023, Đ vay của N số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày. Đ đã trả cả gốc và lãi là 5.400.000đ. Tiền lãi N thu được là 400.000đ tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lợi bất chính là 326.027đ.

+ Cũng trong tháng 4/2023, Đ vay của N số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong vòng 37 ngày. Đ đã trả cả gốc và lãi là

11.100.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.100.000đ tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

+ Tháng 6/2023, Đ vay của N số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày. Đ đã trả cả gốc và lãi là 5.400.000đ. Tiền lãi N thu được là 400.000đ tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 326.027đ.

**(3) Chị Hoàng Thị A** (sinh năm 1984, trú tại: Tổ X1, thị trấn K, huyện V, tỉnh L ) vay 08 lần từ tháng 01/2023, mỗi lần vay 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày cho một lần vay. Chị A đã trả đủ lãi và gốc của 08 lần vay là 43.200.000đ. Tiền lãi N thu được là 3.200.000đ/8 lần, tương ứng lãi suất 108,1%/năm/1 lần vay. Số tiền N thu lời bất chính là 2.608.219đ.

**(4) Chị Nguyễn Mai A2** (sinh năm 1996, trú tại: Tổ X1, thị trấn K, huyện V, tỉnh L) vay 02 lần vào tháng 2/2023 và tháng 7/2023 số tiền là 5.000.000đ/1lần vay, thỏa thuận trả gốc và lãi 01 lần vay là 200.000đ/ngày trong 27 ngày. Mai A2 đã trả hết gốc và lãi cho 02 lần vay là 10.800.000đ. Tiền lãi N thu được là 800.000đ cho 02 lần vay, tương ứng lãi suất là 108,1%/năm/1 lần vay. Số tiền N thu lời bất chính là 652.055đ.

**(5) Anh Hoàng Trọng H1** (sinh năm 1994, trú tại: Thôn B, xã Y, huyện V, tỉnh L ) vay của Bùi Văn N 02 lần:

+ Cuối tháng 10/2022, anh H1 vay của N 15.000.000đ, thỏa thuận 15 ngày trả 01 lần cả gốc và lãi với số tiền là 2.150.000đ trong vòng 05 tháng. Tháng 02/2023, anh H1 đã trả đủ gốc và lãi với tổng số tiền là 21.500.000đ cho N. Tiền lãi N thu được là 6.500.000đ, tương ứng lãi suất 105,4%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 5.267.123đ.

+ Tháng 4/2023, anh H1 vay của N 15.000.000đ, thỏa thuận 15 ngày trả 01 lần cả gốc và lãi với số tiền 1.880.000đ trong vòng 06 tháng. Anh H1 đã trả cả gốc và lãi với số tiền là 22.560.000đ. Tiền lãi N thu được là 7.560.000đ, tương ứng lãi suất 102,2%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 6.080.548đ.

**(6) Anh Hà A1** (sinh năm 1996, trú tại: Thôn Th, xã Y, huyện Văn Bàn, tỉnh L ) vay của Bùi Văn N các lần:

+ Từ cuối năm 2022 đến tháng 7/2023 A1 đã vay của N 05 lần, mỗi lần vay 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 01 lần vay là trả 200.000đ/ngày trong 27 ngày. Tuần đã trả gốc và lãi là 27.000.000đ. Tiền lãi N thu được là 2.000.000đ cho 05 lần vay, tương ứng lãi suất 108,1%/năm/1 lần vay. Số tiền N thu lời bất chính là 1.630.137đ.

**(7) Chị Hoàng Thị Đ1** (sinh năm 1976, trú tại: thôn L2, xã Y1, huyện V, Lào Cai) vay các lần:

+ Cuối năm 2022, chị Đ1 vay của N 20.000.000đ trong 08 tháng theo thỏa thuận 15 ngày trả 01 lần cả gốc và lãi với số tiền 2.080.000đ. Chị Đ1 đã trả hết gốc và lãi với tổng số tiền 33.280.000đ. Tiền lãi N thu được là 13.280.000đ, tương ứng lãi suất cho vay là 100,98%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 10.649.863đ.

+ Tháng 7/2023, chị Đ1 vay của N 10.000.000đ trong 06 tháng theo thỏa thuận 15 ngày/01 lần trả cả gốc và lãi với số tiền là 1.250.000đ. Chị Đ1 đã trả hết gốc và lãi với số tiền 15.000.000đ. Tiền lãi N thu được là 5.000.000đ, lãi suất cho vay là 101,38%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 4.013.699.

**(8) Chị Nguyễn Thị T1** (sinh năm 1978, trú tại: thôn O, xã P, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay các lần:

+ Đầu và cuối tháng 7/2023, chị T1 vay của N 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi là 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày. Sau đó Chị T1 đã trả đủ gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 10.800.000đ. Tiền lãi N thu được là 800.000đ, tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 652.055đ.

+ Tháng 8/2023, chị T1 vay của N 10.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 250.000đ/ngày trong vòng 45 ngày. Sau đó, chị T1 đã trả hết cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.250.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.250.000đ, tương ứng lãi suất 101,3%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.003.425đ.

+ Tháng 11/2023, chị T1 tiếp tục vay của N 10.000.000đ, thỏa thuận trả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong vòng 37 ngày. Sau đó, chị T1 đã trả hết cả gốc và lãi theo thỏa thuận là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

**(9) Chị Nguyễn Thị D1** (sinh năm 1991, trú tại: TDP B, thị trấn K, V, Lào Cai) vay các lần:

+ Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023 chị D1 vay N 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ, thỏa thuận trả cả gốc và lãi 200.000đ/ngày trong 27 ngày. Sau đó chị D1 đã trả hết cả gốc và lãi 02 lần vay theo thỏa thuận với tổng số tiền là 10.800.000đ. Tiền lãi N thu được là 800.000đ, tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 652.055đ.

+ Tháng 6/2023, chị D1 vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị D1 đã trả hết cả gốc và lãi theo thỏa thuận với số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

**(10) Anh Nguyễn Văn T2** (sinh năm 1973, trú tại: TDP X, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay N 02 lần từ tháng 01/2023, mỗi lần 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Anh T2 đã trả đủ gốc và lãi theo thỏa thuận cho N với tổng số tiền là 22.200.000đ. Tiền lãi N thu được trong 02 lần vay là 2.200.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Tổng số tiền N thu lời bất chính là 1.794.521.

**(11) Anh Nguyễn Thanh T3** (sinh năm 1992, trú tại: TDP X2, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay của N 15.000.000đ ngày 12/10/2022 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi số tiền 450.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Sau đó anh T3 đã trả đủ gốc và lãi với tổng số tiền là 16.650.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.650.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.345.890đ.

**(12) Chị Phan Thùy Tr** (sinh năm 1993, trú tại: TDP B1, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay các lần:

+ Ngày 02/10/2022, chị Tr vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó chị Tr đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

+ Ngày 26/10/2022, chị Tr vay N 15.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 450.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Sau đó chị Tr đã trả hết gốc và lãi số tiền 16.650.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.650.000đ, lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.345.890đ.

**(13) Chị Nguyễn Thị Thúy Q** (sinh năm 1984, trú tại: TDP X3, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay các lần:

+ Đầu tháng 10/2022, chị Q vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi số tiền 300.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị Q đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

+ Cuối tháng 02/2023, chị Q vay của N 15.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi số tiền 375.000 đồng/ngày trong 45 ngày. Sau đó chị Q đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 16.875.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.875.000đ, tương ứng lãi suất 101,3%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.505.137đ.

**(14) Anh Đỗ Minh N4** (sinh năm 1974, trú tại: TDP X, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay của N 02 lần, mỗi lần 5.000.000đ vào các ngày 10/10/2022 và ngày 01/4/2023 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 200.000 đồng/ngày trong 27 ngày. Sau đó anh N4 đã trả đủ gốc và lãi theo thỏa thuận cho N với tổng số tiền là 10.800.000đ. Tiền lãi N thu được trong 02 lần vay là 800.000đ, tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Tổng số tiền N thu lời bất chính là 652.055đ.

**(15) Chị Hoàng Kim T2** (sinh năm 1980, trú tại: TDP B, thị trấn K, V, Lào Cai) vay của N cụ thể:

+ Tháng 10/2023, chị T2 vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị T2 đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

+ Sau đó chị T2 còn vay của N 15.000.000 đồng với thỏa thuận trả cả gốc và lãi số tiền 375.000 đồng/ngày trong 45 ngày. Sau đó chị T2 đã trả đủ cả gốc và lãi số theo thỏa thuận với tổng số tiền là 16.875.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.875.000đ, tương ứng lãi suất 101,3%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.505.137đ.

**(16) Anh Nguyễn Ngọc M3** (sinh năm 1991, trú tại: tổ X3, TT. Khánh Yên, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay của N 02 lần vào tháng 10/2022, mỗi lần 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Anh M3 đã trả đủ gốc và lãi theo thỏa thuận cho N với tổng số tiền là 22.200.000đ. Tiền lãi N thu

được trong 02 lần vay là 2.200.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm/lần vay. Tổng số tiền N thu lời bất chính là 1.794.521đ.

**(17) Chị Lương Thị Q1** (sinh năm 1982, trú tại: thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay của N 25.000.000đ vào cuối năm 2022 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 750.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Chị Q đã trả đủ gốc và lãi cho N theo thỏa thuận với tổng số tiền là 27.750.000đ. Tiền lãi N thu được là 2.750.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 2.243.151đ.

**(18) Chị Chu Thị Hà G1** (sinh năm 1989, trú tại: thôn V, xã Y, huyện V, Lào Cai) vay của N 10.000.000đ giữa tháng 10/2022 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị G1 đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

**(19) Chị Phạm Thị L** (sinh năm 1982, trú tại: thôn N, xã Y, huyện V, Lào Cai) vay của N 5.000.000 đồng vào khoảng giữa tháng 10/2022 với thỏa thuận trả 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày. Chị L đã trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 5.400.000đ. Tiền lãi N thu được là 400.000đ, tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 326.027đ.

**(20) Chị Phan Thị T5** (sinh năm 1988, trú tại: thôn V, xã Y, huyện V, Lào Cai) vay các lần:

- + Cuối tháng 10/2022, chị T5 vay của N 5.000.000đ với thỏa thuận trả 200.000đ/ngày trong vòng 27 ngày. Chị T5 đã trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 5.400.000đ. Tiền lãi N thu được là 400.000đ, tương ứng lãi suất 108,1%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 326.027đ.

- + Đầu tháng 01/2023, chị T5 vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị T5 đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

**(21) Anh Vũ Ngọc C** (sinh năm 1981, trú tại: thôn N, xã Y, huyện V, Lào Cai) vay các lần:

- + Khoảng đầu tháng 10/2022, anh C vay của N 10.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, anh C đã trả hết cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền 11.100.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

- + Tiếp sau đó Anh C vay của N 15.000.000đ với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 450.000 đồng/ngày trong 37 ngày. Sau đó, anh C đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 16.650.000đ. Tiền lãi N thu được là 1.650.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 1.345.890đ.

**(22) Anh Hà Hoàng N4** (sinh năm 1987, trú tại: Tổ X4, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai) vay của bị cáo N 10.000.000đ đầu tháng 10/2022 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, anh N đã trả đủ cả gốc và lãi

theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi bị cáo N thu được 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền bị cáo N thu lời bất chính là 897.260đ.

**(23) Chị Vương Thị T6** (sinh năm 1976, trú tại: TDP N2, thị trấn K, V, Lào Cai) vay của N 10.000.000đ tháng 6/2023 với thỏa thuận trả cả gốc và lãi 300.000đ/ngày trong 37 ngày. Sau đó, chị T6 đã trả đủ cả gốc và lãi theo thỏa thuận với tổng số tiền là 11.100.000đ. Tiền lãi bị cáo N thu được là 1.100.000đ, tương ứng lãi suất 108,5%/năm. Số tiền N thu lời bất chính là 897.260đ.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-VB ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố Bị cáo Bùi Văn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự;

### **Tại phiên tòa:**

Bị cáo Bùi Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai trình bày quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: - Tuyên bố Bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.”

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 10% đến 15% để sung quỹ nhà nước. Giao bị cáo Bùi Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 10.000.000đ là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội bị cáo Bùi Văn N đã giao nộp. Truy thu của bị cáo Bùi Văn N 60.000.000đ tiền sử dụng vào việc phạm tội sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước 16.925.204đ tiền lãi tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20% bị cáo đã thu của người vay.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]** Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về hành vi bị truy tố:**

Lời khai nhận tội của Bị cáo Bùi Văn N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Bùi Văn N là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức và hiểu biết pháp luật, nhưng chỉ vì háms lợi, thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023, bị cáo N đã sử dụng số tiền 70.000.000 đồng do lao động mà có để cho 23 người vay 54 lượt với mức lãi suất cho vay từ 100,9%/ năm đến 136,5%/năm, đây là mức lãi suất cho vay gấp trên 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%/ năm. Số tiền lãi Bùi Văn N thu được là 87.680.000đ, trong đó thu lời bất chính là 70.934.796đ. Hành vi của Bị cáo đã cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng số: 29/CT-VKS-VB ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai đã truy tố Bị cáo Bùi Văn N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

**[3] Về hình phạt:**

Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Bùi Văn N có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của Bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị can và phòng ngừa chung.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra truy tố xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hiện bị cáo hợp đồng lao động không xác định thời hạn là nhân viên bán hàng cho hộ kinh doanh bà Lưu Thị Th với tiền công hàng tháng là 5.000.000 đồng.

Sau khi cân nhắc các căn cứ quyết định hình phạt đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, công việc ổn định. Xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ với thời gian và khấu trừ một phần thu nhập phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục, quản lý cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

#### **[4] Về hình phạt bổ sung:**

Xét thấy bị cáo Bùi Văn N không có điều kiện kinh tế, bị cáo không có tài sản gì có giá trị, hiện đang nợ ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Văn Bàn số tiền 84.000.000đ, ngân hàng chính sách huyện Văn Bàn 19.800.000đ, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ truy thu tiền nộp ngân sách nhà nước. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

#### **[5] Về xử lý vật chứng:**

- Đối với số tiền 70.000.000đ là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Bị cáo đã giao nộp 10.000.000đ còn 60.000.000đ cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 16.925.204đ tiền lãi tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20% mà bị cáo đã thu của người vay cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động bị cáo N sử dụng để thực hiện hành vi cho vay lãi đã bị hỏng, đã vứt bỏ nên không đề cập giải quyết.

**[6] Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Bùi Văn N cho 23 người vay 54 lượt thu lời bất chính là 70.934.796đ. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện trả lại cho người vay số tiền lãi thu lợi bất chính vượt quá quy định của Nhà nước. Những người vay tiền không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

#### **[7] Về tình tiết khác:**

- Đối với Trần Xuân Tr và Trần Hoài N: Quá trình điều tra không có căn cứ xác định có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; không tham gia cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng với Bùi Văn N nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định

- Đối với hành vi của Bùi Văn N cho 15 người khác vay tiền nhưng lãi suất dưới 20%/năm và một số người có phát sinh giao dịch với tài khoản của Bùi Văn N nhưng không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra không triệu tập làm việc được nên không có đủ căn cứ xem xét, xử lý.

**[7] Về án phí:** Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố Bị cáo Bùi Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn N 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng để sung Ngân sách nhà nước. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo Bùi Văn N cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giám sát, giáo dục.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Đ1 a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 10.000.000đ (mười triệu đồng) là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội bị cáo Bùi Văn N đã giao nộp. Truy thu của bị cáo Bùi Văn N 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền sử dụng vào việc phạm tội sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước 16.925.204đ (mười sáu triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm linh bốn đồng) tiền lãi tương ứng mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20% bị cáo đã thu của người vay.

(Vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V ngày 28/5/2024.)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Đ1 a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Bùi Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- Sở Tư pháp (01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Người có QLNVLQ(23);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Vĩnh Thái**

